

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3249**/BQP-CT

Hà Nội, ngày **15** tháng 5 năm 2026

V/v đề nghị thẩm định dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ
trợ cấp một lần khi thôi phục vụ Quân đội

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về chế độ trợ cấp một lần của các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội theo trình tự, thủ tục rút gọn (Công văn số 1193/VPCP-KGVX ngày 05/02/2026 của Văn phòng Chính phủ). Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan xây dựng Tờ trình, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật; Bộ Quốc phòng trân trọng gửi tới quý Bộ hồ sơ thẩm định dự thảo Nghị định. Hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ;
4. Bản chụp ý kiến tham gia của các Bộ (Nội vụ, Tư pháp, Tài Chính).

Đề nghị quý Bộ cho ý kiến thẩm định sớm để Bộ Quốc phòng hoàn thiện văn bản, trình Chính phủ ký ban hành Nghị định nêu trên.

Trân trọng sự quan tâm, phối hợp của quý Bộ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/cáo);
- Tổng cục Chính trị;
- C29;
- Lưu: VT, THBD. Tu06.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu



BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ¹ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (dự thảo Nghị định), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Điều 31 Chương III Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2008, năm 2014, năm 2024 và năm 2025 quy định: “Sĩ quan được hưởng phụ cấp, trợ cấp như đối với cán bộ, công chức có cùng điều kiện làm việc, cùng ngành nghề làm việc và phụ cấp, trợ cấp có tính chất đặc thù quân sự”.

Điều 36 Chương IV Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: “2. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng được hưởng phụ cấp như sau: a) Phụ cấp thâm niên được tính theo mức lương hiện hưởng và thời gian phục vụ trong lực lượng thường trực của quân đội theo quy định của pháp luật; b) Phụ cấp, trợ cấp như đối với cán bộ, công chức, viên chức có cùng điều kiện làm việc; c) Phụ cấp, trợ cấp phù hợp với tính chất hoạt động

¹ Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025 của Chính phủ; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

đặc thù quân sự.”.

Ngày 29 tháng 6 năm 2024, Quốc hội khóa XV ban hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; ngày 25 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 157/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân, dân quân thường trực và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân; ngày 19 tháng 8 năm 2025, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 90/2025/TT-BQP hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân; trong đó, quy định các chế độ bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu, không đủ điều kiện hưởng lương hưu, cách tính hưởng lương hưu đối với các trường hợp chuyển ngành, mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần.

Ngày 15 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2025/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chế.

Công văn số 1193/VPCP-KGVX ngày 05/02/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về chế độ trợ cấp một lần của các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội theo trình tự, thủ tục rút gọn; trình Chính phủ trong Quý II năm 2026.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định về chế độ, chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân thôi phục vụ trong Quân đội (nghỉ hưu, phục viên, thôi việc...), theo phạm vi Luật giao Chính phủ đã ban hành 04 Nghị định quy định chi tiết (Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP); liên Bộ Quốc phòng - Bộ Nội vụ - Bộ Lao động thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính ban hành 01 Thông tư liên tịch (Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2009); Bộ Quốc phòng theo thẩm quyền đã ban hành 02 Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (Thông tư số 162/2017/TT-BQP ngày 10 tháng 7 năm 2017; Thông tư số 25/2025/TT-BQP ngày 06 tháng 5 năm 2025.).”

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên và triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng thôi phục vụ trong Quân đội đã góp phần động viên, khuyến khích sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng yên tâm công tác. Các mức hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong quân đội đã cơ bản cân đối giữa cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và sĩ quan, quân

nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; tạo nguồn cán bộ, nhân viên tiếp tục vào xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tuy nhiên, ngày 15/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2025/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chế; trong đó, chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tinh giản biên chế được sửa đổi, điều chỉnh tăng mức hưởng. Qua rà soát quy định tại các Nghị định (Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, Nghị định số 19/2022/NĐ-CP) và quy định của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP cho thấy có sự không thống nhất, bất hợp lý về mức hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tiền lương và thời gian để tính hưởng chế độ, như sau:

a) Bất cập về mức hưởng: Cùng đối tượng nghỉ hưu trước tuổi (đối với cán bộ, công chức, viên chức), nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, thôi việc hoặc phục viên (đối với các đối tượng trong Quân đội có hình thức này) nhưng mức hưởng trợ cấp một lần giữa sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân và cán bộ, công chức, viên chức lại không thống nhất, có sự chênh lệch; cụ thể:

Một là, về chính sách nghỉ hưu trước tuổi: Cùng nghỉ hưu trước tuổi do yếu tố sức khỏe hoặc do chất lượng thấp, đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp **03 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP); đối với cán bộ, công chức, viên chức khi nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp **05 tháng** tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP). Như vậy, mặc dù có cùng điều kiện nhưng có sự chênh lệch không thống nhất giữa mức hưởng chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu trước tuổi của đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và mức hưởng chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu trước tuổi của đối tượng cán bộ, công chức, viên chức.

Hai là, về chính sách phục viên, thôi việc: Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng **01 tháng** tiền lương của tháng liền kề trước khi phục viên (quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP). Đối với công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thôi việc, được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng **01 tháng** tiền lương của tháng liền kề trước khi thôi việc (quy định tại Nghị định số 19/2022/NĐ-CP). Tuy nhiên, đối với cán bộ, công chức, viên chức thôi việc ngay khi thực hiện tinh giản biên chế thì được trợ cấp **1,5 tháng** tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo

hiểm xã hội bắt buộc (quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP). Như vậy, mặc dù cùng điều kiện thôi việc (phục viên) nhưng chế độ trợ cấp một lần có sự chênh lệch, không thống nhất giữa mức hưởng chế độ trợ cấp một lần do phục viên, thôi việc của đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng và mức hưởng trợ cấp một lần do thôi việc của đối tượng cán bộ, công chức, viên chức.

b) **Bắt cập quy định về tiền lương để tính hưởng và thời gian để tính hưởng chế độ**

Một là, về tiền lương để tính hưởng chế độ trợ cấp: Theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP thì tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng khi nghỉ hưu trước tuổi được tính bằng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu. Theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, thì tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc là tiền lương hiện hưởng tháng liền kề trước khi tính giảm biên chế. Như vậy, có sự không thống nhất về quy định tiền lương để tính hưởng.

Hai là, về thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp: Theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP thì thời gian công tác, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước tuổi quy định nếu có tháng lẻ dưới 03 tháng không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính là 0,5 năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 01 năm. Theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP thì trường hợp thời gian có số tháng lẻ từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm. Như vậy, có sự không thống nhất về quy định thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp.

Trên cơ sở những vướng mắc, bắt cập nêu trên, Bộ Quốc phòng đã có văn bản số 8249/BC-BQP ngày 17/12/2025 báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương, giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần của các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội theo trình tự, thủ tục rút gọn (Công văn số 1193/VPCP-KGVX ngày 05/02/2026 của Văn phòng Chính phủ). Sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo cơ quan chức năng rà soát kỹ các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Qua rà soát, Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu có phạm vi điều chỉnh đối với đối tượng làm công tác cơ yếu trong Quân đội, Công an, các bộ, ngành, địa phương; trường hợp chỉ sửa đổi, bổ sung điều chỉnh chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, thôi việc

đối với các đối tượng làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý sẽ tạo sự bất cập với các đối tượng làm công tác cơ yếu thuộc quản lý của Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương. Do vậy, tại phạm vi dự thảo Nghị định này, Bộ Quốc phòng đề xuất không sửa đổi, bổ sung chế độ đối với đối tượng làm công tác cơ yếu. Đồng thời, hiện nay, theo đề nghị của Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 1588/QĐ-BQP ngày 03/4/2026 kèm theo Kế hoạch tổng kết Nghị định số 32/2013/NĐ-CP nhằm đánh giá toàn diện kết quả triển khai, thực hiện, làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đồng bộ, thống nhất về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn nêu trên; việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là cần thiết và phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nhằm khắc phục bất cập hiện hành về mức hưởng chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, thôi việc, tạo sự cân đối về chế độ, chính sách giữa đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng công tác trong Quân đội có cùng điều kiện; đồng thời, rà soát, đồng bộ, thống nhất quy định về tiền lương, thời gian làm căn cứ tính hưởng chế độ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp và quy định của pháp luật.

- Bảo đảm thống nhất về chế độ, chính sách giữa các đối tượng trong Quân đội khi nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, thôi việc và đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do tinh giản biên chế.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Đã tổ chức các hoạt động nghiên cứu, rà soát 03 Nghị định cần phải sửa đổi, bổ sung liên quan đến chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân

đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; thành lập Tổ Biên tập với sự tham gia của đại diện các cơ quan chức năng trong và ngoài Quân đội.

2. Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân, phản biện xã hội.

3. Gửi dự thảo Nghị định lấy ý kiến các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và các Bộ liên quan. Các Bộ đã có ý kiến tham gia bằng văn bản: Bộ Nội vụ (Công văn số 4090/BNV-CTL&BHXH ngày 29 tháng 4 năm 2026), Bộ Tài chính (Công văn số 1061/BTC-VI ngày 22 tháng 4 năm 2026), Bộ Tư pháp (Công văn số 2527/BTP- PLDSKT ngày 17 tháng 4 năm 2026).

4. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan trong Bộ Quốc phòng, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định.

5. Ngày tháng 5 năm 2026, Bộ Quốc phòng có Văn bản số /BQP-CT đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định. Ngày tháng 5 năm 2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị định (Báo cáo số /BCTĐ-BTP).

6. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh của 03 Nghị định nêu trên.

1.2. Đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng của 03 Nghị định nêu trên; bảo đảm thực hiện chế độ đối với đúng đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được bố cục gồm 04 chương, 12 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025, Nghị định số 209/2025/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, gồm 04 điều (*từ Điều 4 đến Điều 7*).

Chương III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 209/2025/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 02 điều (*Điều 8, Điều 9*).

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (*từ Điều 10 đến Điều 12*).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Về chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi

- Kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP.

- Bổ sung, thể hiện rõ hơn các trường hợp hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi để thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (Sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật; Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 31 của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý mà quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng hoặc do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn hoặc không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội)

- Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi từ **03 tháng** tiền lương (*bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu*) lên mức **05 tháng** tiền lương hiện hưởng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Thể hiện đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về quy định trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (xác định rõ các trường hợp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và các trường hợp có từ đủ 15 đến 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc).

(Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu tại điểm này được thể hiện tại Điều 1, Điều 5, Điều 7 dự thảo Nghị định)

3.2. Về chế độ trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp một lần thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi phục viên, thôi việc

- Kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 151/2016/NĐ-CP và Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

- Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp tạo việc làm từ **06** tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ lên mức **03** tháng tiền lương hiện hưởng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp khi phục viên và trợ cấp phục viên (thôi việc) một lần đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (từ mức **01** tháng tiền lương lên mức **1,5** tháng tiền lương) đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

(Các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu tại điểm này được thể hiện tại Điều 2, Điều 6, Điều 8 dự thảo Nghị định)

3.3. Về tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

Theo quy định tại các Nghị định được sửa đổi, bổ sung thì cách thể hiện về tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ chưa đồng bộ, thống nhất. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung theo hướng thể hiện thống nhất thời điểm tính tiền lương tháng; thành phần tiền lương để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, tránh nhiều cách hiểu khác nhau, thuận lợi trong thực hiện; bảo đảm tương đồng với cách xác định tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

(Nội dung sửa đổi, bổ sung nêu tại điểm này được thể hiện tại Điều 3, Điều 4, Điều 9 dự thảo Nghị định)

3.4. Về điều khoản, trách nhiệm thi hành

Do Nghị định ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn nên Nghị định xác định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Để thuận lợi cho việc chi trả chế độ khi Nghị định được thông qua. Dự thảo Nghị định thiết kế mức hưởng chế độ trợ cấp, thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này thực hiện từ ngày 01 tháng 06 năm 2026.

Bên cạnh đó, để tránh phát sinh các tình huống phức tạp, thuận lợi trong thực hiện, dự thảo Nghị định thiết kế điều khoản chuyển tiếp, quy định các trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cấp có thẩm quyền chưa ban hành Quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

(Nội dung quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành thể hiện tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị định)

4. Về một số nội dung liên quan đến Điều ước quốc tế; thủ tục hành chính; bình đẳng giới; phân cấp, phân quyền; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định không chứa quy định nào mâu thuẫn hoặc ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Chế độ, chính sách quy định tại dự thảo Nghị định áp dụng thực hiện đối với tất cả các đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội, không phân biệt giới tính. Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không liên quan đến phân cấp, phân quyền và được xác định rõ tại Thông tư hướng dẫn tổ chức thực hiện, thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng. Khi Nghị định được ban hành Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sẽ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư để hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn quân.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

Sau khi Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số .../BCTĐ-BTP ngày tháng 5 năm 2026, Bộ Quốc phòng đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung sau:

.....
.....
.....
.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, đối chiếu với các quy định hiện hành và thực tiễn tổ chức thực hiện để xác định rõ nguồn lực cần thiết bảo đảm thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không phát sinh lớn về ngân sách trong những năm tới do đa phần đã được xem xét, giải quyết theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 67/2025/NĐ-CP.

Khi Nghị định được thông qua, dự kiến ngân sách bảo đảm thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng thôi phục vụ trong Quân đội dự kiến khoảng gần 300 tỷ đồng (tăng thêm khoản 140 tỷ đồng). Trường hợp cần thiết, việc bố trí nguồn lực bổ sung sẽ được xem xét trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách hàng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ

quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản so sánh dự thảo Nghị định với 03 Nghị định được sửa đổi, bổ sung; (3) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Chính trị;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13 và Luật số 52/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 21/2009/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 02 NĂM 2009 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QĐND VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN THÔI PHỤC VỤ TẠI NGŨ; SĨ QUAN TẠI NGŨ HY SINH, TỬ TRẦN; SĨ QUAN TẠI NGŨ CHUYỂN SANG QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP HOẶC CÔNG CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2025/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 2025, NGHỊ ĐỊNH SỐ 209/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2

"2. Chế độ đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật, được quy định như sau:

a) Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ); sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **05 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **05 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu trước hạn tuổi được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **05 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

- Sĩ quan có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng **05 tháng** tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

- Sĩ quan có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng **05 tháng** tiền lương.

đ) Trường hợp giải quyết chế độ không đúng theo quy định tại khoản này thì thực hiện thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền trợ cấp một lần đã chi trả và xem xét trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP)

“1. Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) còn được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng **03 tháng** tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng **1,5 tháng** tiền lương.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, phục viên, hy sinh, tử trần) là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm

xã hội bắt buộc trong lực lượng Cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã;

b) Thời gian công tác để quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 151/2016NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“Điều 2. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ

a) Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, thôi việc, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, từ trần.

b) Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại điểm a khoản này bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; loại, nhóm, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, phục viên, hy sinh, tử trần) là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng Cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã;

b) Thời gian công tác để quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Chế độ đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, được quy định như sau:

a) Quân nhân chuyên nghiệp thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ) mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **5 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **05 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng **05 tháng** tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

- Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

- Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.

đ) Trường hợp giải quyết chế độ không đúng theo quy định tại khoản này thì thực hiện thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền trợ cấp một lần đã chi trả và xem xét trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên

Chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên theo điểm a, điểm c khoản 3 Điều 40 của Luật, được quy định như sau:

1. Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng **03 tháng** tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

2. Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng **1,5 tháng** tiền lương.

3. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật thực hiện như đối với quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.”.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 19/2022/NĐ-CP NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH BIỆN PHÁP THI HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG CHUYÊN NGÀNH, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 209/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng **1,5 tháng** tiền lương của tháng liền kề trước khi thôi việc do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý công nhân và viên chức quốc phòng trước khi thôi việc chi trả.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, thôi việc hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm chuyên ngành, thôi việc (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm

chuyển ngành, thôi việc, bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; nhóm, ngạch, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

b) Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp một lần do chuyển ngành sang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và trợ cấp một lần do thôi việc quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng Cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã.

c) Trường hợp thời gian công tác quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Mức hưởng chế độ trợ cấp; thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cấp có thẩm quyền chưa ban hành Quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 03 NGHỊ ĐỊNH CỦA
CHÍNH PHỦ VỀ CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN KHI THÔI PHỤC VỤ TRONG QUÂN ĐỘI ĐỐI VỚI SĨ QUAN,
QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BQP ngày / /2026 của Bộ Quốc phòng)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Quốc phòng đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

1. Ngày 15 tháng 4 năm 2026, Bộ Quốc phòng có Văn bản số 2445/BQP-CT về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định nêu trên gửi xin ý kiến các Bộ có liên quan và gửi đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng.

- Tổng số cơ quan, đơn vị đã xin ý kiến: 03; Tổng số ý kiến nhận được: 03 (Công văn số 4090/BNV-CTL&BHXH ngày 29/4/2026 của Bộ Nội vụ; Công văn số 2527/BTP-PLDSKT ngày 17/4/2026 Bộ Tư pháp; Công văn số 5061/BTC-VI ngày 22/4/2026 của Bộ Tài chính).

- Tổ chức lấy ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: Không có ý kiến tham gia.

- Tổ chức lấy ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng: Không có ý kiến tham gia.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Sự cần thiết ban hành văn bản	Bộ Tư pháp	<p>Ngày 05/02/2026, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1193/VPCP-KGVX về ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “Đồng ý về chủ trương cho phép xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ...” (Mục 1). Do đó, việc Bộ Quốc phòng xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là có cơ sở và phù hợp về thẩm quyền. Tuy nhiên, so với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo không đề xuất sửa đổi Nghị định số 32/2013/NĐ-CP; tại dự thảo Tờ trình, cơ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã rà soát và bổ sung nội dung, giải trình tại Tờ trình, dự thảo Nghị định theo Công văn số 1193/VPCP ngày 05/02/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng được đồng ý chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội; trong đó có Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013 của Chính phủ.</p> <p>Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Quốc phòng nhận thấy Nghị định số 32/2013/NĐ-CP có phạm vi điều chỉnh đối với người làm công tác cơ yếu trong các tổ chức khác nhau, bao gồm Quân đội, Công an và các bộ, ngành, địa phương. Vì vậy, trường hợp chỉ sửa đổi chế độ, chính sách đối với đối tượng làm công tác cơ yếu trong quân đội như trong dự thảo Nghị định này có thể dẫn đến thiếu thống nhất, phát sinh bất cập trong việc áp dụng chế độ, chính sách đối với lực lượng cơ yếu giữa các cơ quan, tổ chức. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 1588/QĐ-BQP ngày 03/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Kế hoạch tổng kết Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, Ban Cơ yếu Chính phủ đang được giao chủ trì triển khai tổng kết Nghị định để</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ nội dung này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung nêu trên, bảo đảm phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc giải trình làm rõ về nội dung này.</p>	<p>đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2013/NĐ-CP một cách tổng thể; trong đó có nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu khi nghỉ hưu, chuyên ngành, thôi việc hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu. Do đó, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tránh chồng chéo trong quá trình sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Quốc phòng đề xuất không đưa nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2013/NĐ-CP vào phạm vi dự thảo Nghị định này; đồng thời, sẽ phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi tổng thể Nghị định số 32/2013/NĐ-CP theo thẩm quyền; vì vậy, việc không đề xuất sửa đổi Nghị định số 32/2013/NĐ-CP trong dự thảo Nghị định này là phù hợp với yêu cầu, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và thực tiễn tổ chức triển khai hiện nay.</p>
Về đối tượng áp dụng	Bộ Nội vụ	<p>Đề nghị Bộ Quốc phòng rà soát các đối tượng quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm việc thực hiện các chế độ trợ cấp đúng quy định.</p>	<p>Bộ Quốc phòng đã tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ và rà soát toàn bộ các nhóm đối tượng quy định tại dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm việc áp dụng chế độ trợ cấp đúng đối tượng, đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và pháp luật về bảo hiểm xã hội.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về mức trợ cấp, tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp (từ Điều 1 đến Điều 9 dự thảo Nghị định)	Bộ Nội vụ	Đề nghị Bộ Quốc phòng căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về tiền lương, phụ cấp, thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đề rà soát quy định tại dự thảo Nghị định cho phù hợp, bảo đảm thống nhất, tương quan chung các lực lượng trong Quân đội nói riêng và trong LLVT nói chung.	<p>Bộ Quốc phòng đã tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ và tiến hành rà soát, chỉnh lý toàn bộ các quy định tại Điều 1 đến Điều 9 dự thảo Nghị định về đối tượng, mức trợ cấp, tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về tiền lương, phụ cấp và bảo hiểm xã hội.</p> <p>Theo đó, dự thảo Nghị định được sửa đổi theo hướng thống nhất căn cứ tính hưởng chế độ là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội; rà soát, xác định cụ thể các khoản phụ cấp được tính hưởng; thống nhất nguyên tắc xác định thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đồng thời loại trừ thời gian đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc bảo hiểm xã hội một lần để bảo đảm chặt chẽ, tránh trùng hưởng chính sách.</p> <p>Các nội dung sửa đổi, bổ sung cũng đã được đối chiếu, bảo đảm tính thống nhất, tương quan và cân đối với quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với lực lượng vũ trang, qua đó bảo đảm sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật và phù hợp với chính sách chung đối với lực lượng vũ trang.</p>
Điều 1	Bộ Tư pháp	Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định 21/2009/NĐ-CP dự kiến sửa đổi quy định: “ <i>Ngoài chế độ được hưởng quy</i>	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy việc thể hiện quy định tại dự thảo Nghị định chưa thật đầy đủ, rõ ràng về điều kiện áp dụng

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi <u>nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:</u></i>". Đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thuyết minh rõ hơn về cơ sở đề xuất chính sách này và chỉnh sửa cho tương đồng với chính sách quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.</p>	<p>chính sách, có thể dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về đối tượng được hưởng chế độ không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi. Do đó cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chính lý tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định 21/2009/NĐ-CP như sau: "<i>Ngoài chế độ quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về BHXH thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:</i>".</p>
		<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ một số nội dung tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP tương quan với điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP nhưng không sửa đổi, gồm: Trợ cấp đối với thời gian công tác trong Quân đội đối với sĩ quan chuyên ngành vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ</p>	<p>Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo Nghị định. Căn cứ quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về chế độ trợ cấp một lần đối với các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, Bộ Quốc phòng đã rà soát tổng thể các chế độ trợ cấp một lần có tính chất tương đồng đối với các đối tượng thôi phục vụ trong Quân đội để bảo đảm tính thống nhất, tương quan chung của hệ thống chính sách. Theo đó, dự thảo Nghị định tập trung sửa đổi, bổ sung đối</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 2	Bộ Tư pháp	<p>ngân sách nhà nước nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3; trợ cấp một lần đối với sĩ quan chuyên ngành sang làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 4; trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc hy sinh, từ trần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù quy định tại khoản 2 Điều 9.</p>	<p>với các chế độ áp dụng trực tiếp cho đối tượng đang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng khi thôi phục vụ trong Quân đội như nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, thôi việc. Đối với các trường hợp đã chuyển ngành ra ngoài Quân đội thì quan hệ công tác, quản lý cán bộ và chế độ, chính sách khi nghỉ hưu, thôi việc được thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp nhận quản lý (bản chất không còn là đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng); do đó, dự thảo Nghị định không đặt vấn đề sửa đổi các chế độ trợ cấp liên quan đến thời gian công tác trong Quân đội đối với các đối tượng này.</p> <p>Đối với chế độ trợ cấp một lần khi hy sinh, từ trần và khoản trợ cấp tính trên thời gian quy đổi do trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề đặc thù, đây là chính sách mang tính hỗ trợ, bù đắp đặc thù đối với thân nhân người hy sinh, từ trần, có bản chất khác với chế độ trợ cấp do nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, thôi việc; đồng thời người hy sinh, từ trần và thân nhân còn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị tiếp tục giữ nguyên quy định hiện hành đối với nội dung này.</p> <p>Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với chủ trương đã được Thủ tướng Chính</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phủ đồng ý tại Văn bản số 1193/VPCP-KGVX ngày 05/02/2026 của Văn phòng Chính phủ
Điều 3	Bộ Tư pháp	<p>Tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP dự kiến sửa đổi: “<i>Thời gian công tác để quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội...</i>”. Tuy nhiên, Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP quy định về thời gian tăng thêm do quy đổi đối với sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc hy sinh, từ trần mà không bao gồm trường hợp sĩ quan chuyển ngành. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện nội dung trên.</p>	<p>Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc xác định thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, trong đó bao gồm thời gian công tác được quy đổi đối với các trường hợp thôi phục vụ tại ngũ, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc hy sinh, từ trần theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP. Quy định này được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành và nhằm thống nhất cách xác định thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội để tính hưởng chế độ.</p> <p>Đối với ý kiến cho rằng Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP không quy định trường hợp sĩ quan chuyển ngành được hưởng thời gian tăng thêm do quy đổi, Bộ Quốc phòng thấy rằng: theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, chuyển ngành là một hình thức thôi phục vụ tại ngũ của sĩ quan. Do đó, việc quy định “thôi phục vụ tại ngũ” tại khoản 2 Điều 10 đã bao quát các hình thức thôi phục vụ tại ngũ, gồm nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên hoặc nghỉ theo chế độ bệnh binh. Mặt khác, khoản 2 Điều 10 dự thảo chỉ quy định về nguyên tắc xác định thời gian công tác để tính hưởng chế độ, không làm phát sinh thêm đối tượng hoặc</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>chế độ được hưởng ngoài phạm vi Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP. Việc áp dụng chế độ trợ cấp do quy đổi thời gian công tác vẫn phải thực hiện đúng theo từng trường hợp, điều kiện và phạm vi đối tượng đã được quy định cụ thể tại Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo để bảo đảm tính khái quát, thống nhất trong kỹ thuật xây dựng văn bản.</p>

BỘ QUỐC PHÒNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 03 NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN KHI THÔI PHỤC VỤ TRONG QUÂN ĐỘI ĐỐI VỚI SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tù trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.</p>		
<p>Khoản 2 Điều 2 quy định như sau: “2. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, cụ thể như sau: a) Đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần gồm: - Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền; - Sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam</p>	<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 “2. Chế độ đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật, được quy định như sau: a) Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ); sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; đồng thời, bổ sung, thể hiện rõ hơn các trường hợp hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi để thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (Sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>mà quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng.</p> <p>b) Chế độ trợ cấp một lần được hưởng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi; - Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác. Từ năm từ hai một trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng ½ tháng tiền lương.”. 	<p>Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;</p> <p>b) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;</p> <p>c) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu trước hạn tuổi được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;</p>	<p>quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý mà quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng hoặc do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn hoặc không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội). Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi từ 03 tháng tiền lương (<i>bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu</i>) lên mức 05 tháng tiền lương hiện hưởng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Thể hiện đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về quy</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>d) Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về BHXH thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sĩ quan có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương; - Sĩ quan có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương. <p>đ) Trường hợp giải quyết chế độ không đúng theo quy định tại khoản này thì thực hiện thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền trợ cấp một lần đã chi trả và xem xét</p>	<p>định trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (xác định rõ các trường hợp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và các trường hợp có từ đủ 15 đến 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc).</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.”.	
<p>Khoản 1 Điều 5 quy định như sau:</p> <p>“1. Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu hoặc không chuyển ngành được thì phục viên về địa phương và được hưởng các quyền lợi như sau:</p> <p>a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ; được ưu tiên học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;</p> <p>b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương;</p> <p>c) Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.”.</p>	<p>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP</p> <p>“1. Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (<i>nếu có</i>) còn được hưởng các chế độ như sau:</p> <p>a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;</p> <p>b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.”.</p>	<p>Kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP. Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp tạo việc làm từ 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ lên mức 03 tháng tiền lương hiện hưởng đối với sĩ quan khi phục viên và trợ cấp phục viên một lần đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (từ mức 01 tháng tiền lương lên mức 1,5 tháng tiền lương) đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 10 quy định như sau:</p> <p>“Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>	<p>Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:</p> <p>“Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>	<p>Bảo đảm tương đồng với cách xác định tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>1. Tiền lương tháng để tính trợ cấp quy định tại Nghị định này bao gồm: tiền lương theo cấp bậc quân hàm; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Tiền lương tháng để tính các chế độ trợ cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này là tiền lương bình quân của 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu; tiền lương tháng để tính các chế độ trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5; Điều 7; khoản 2 Điều 9 Nghị định này được tính là tiền lương, phụ cấp hiện hưởng.</p> <p>3. Thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần là tổng thời gian phục vụ trong quân đội và thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội trước khi vào phục vụ trong quân đội.</p> <p>Khi tính hưởng chế độ nếu có tháng lẻ được tính như sau: dưới 3 tháng không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính bằng nửa (1/2) mức hưởng của một năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính bằng mức hưởng của một năm.”.</p>	<p>1. Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p> <p>a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, phục viên, hy sinh, tử trần) là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã</p>	<p>quy định tại Điều 5 NĐ 154/2025/NĐ-CP; đồng thời, thể hiện thống nhất thời điểm tính tiền lương tháng; thành phần tiền lương để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần.</p> <p>Thể hiện rõ hơn thời gian công tác được tính hưởng chế độ, thuận lợi trong thực hiện.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng Cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã;</p> <p>b) Thời gian công tác để quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, tử trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;</p> <p>c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm”.</p>	
<p>Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng</p>		
<p>Điều 2 quy định như sau: “1. Tiền lương để tính hưởng chế độ a) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ</p>	<p>Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 “Điều 2. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>	<p>Bảo đảm tương đồng với cách xác định tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>cấp một lần quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 Nghị định này được tính bằng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu;</p> <p>b) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 2 Điều 4; khoản 1, 2 Điều 6; khoản 2 Điều 7 Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu, phục viên, thôi việc, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần;</p> <p>c) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm a, b Khoản này bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp; nhóm ngạch, bậc đối với công nhân và viên chức quốc phòng và các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p> <p>a) Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định này là tổng thời gian công tác trong Quân đội (bao gồm thời</p>	<p>1. Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ</p> <p>a) Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, thôi việc, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trần;</p> <p>b) Tiền lương tháng để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại điểm a khoản này bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; loại, nhóm, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p>	<p>quy định tại Điều 5 NĐ 154/2025/NĐ-CP; đồng thời, thể hiện thống nhất thời điểm tính tiền lương tháng; thành phần tiền lương để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng) và thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội trước khi vào phục vụ trong Quân đội, trừ thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị có đóng bảo hiểm xã hội nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc;</p> <p>3. Trường hợp thời gian công tác, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi quy định tại Nghị định này nếu có tháng lẻ thì được tính như sau: Dưới 03 tháng không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính là 1/2 năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 01 năm.”.</p>	<p>a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, phục viên, hy sinh, tử trần) là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng Cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã;</p> <p>b) Thời gian công tác để quy đổi hưởng</p>	<p>Thể hiện rõ hơn thời gian công tác được tính hưởng chế độ, thuận lợi trong thực hiện.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;</p> <p>c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>Khoản 2 Điều 3 quy định như sau: “2. Quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật do thay đổi tổ chức biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi và ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định hiện hành, còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định sau đây: a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi; b) Được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương.”.</p>	<p>Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 “2. Chế độ đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, được quy định như sau: a) Quân nhân chuyên nghiệp thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ) mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 5 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi; b) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP; đồng thời, bổ sung, thể hiện rõ hơn các trường hợp hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi để thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 31 của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng hoặc do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;</p> <p>c) Quân nhân chuyên nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;</p> <p>d) Ngoài chế độ quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, quân nhân chuyên nghiệp khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về BHXH thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 20 	<p>cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn hoặc không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội). Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi từ 03 tháng tiền lương (<i>bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu</i>) lên mức 05 tháng tiền lương hiện hưởng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Thể hiện đồng bộ với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về quy định trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (xác định rõ các trường hợp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và các trường hợp có từ đủ 15 đến 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc).</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<p>năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;</p> <p>- Quân nhân chuyên nghiệp có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.</p> <p>đ) Trường hợp giải quyết chế độ không đúng theo quy định tại khoản này thì thực hiện thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền trợ cấp một lần đã</p>	
<p>Điều 4 quy định như sau: “Điều 4. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên theo điểm a, c khoản 3 Điều 40 của Luật, được quy định như sau: 1. Được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm phục viên; được hỗ trợ đào tạo nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. 2. Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng</p>	<p>Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 “Điều 4. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên Chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên theo điểm a, điểm c khoản 3 Điều 40 của Luật, được quy định như sau: 1. Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;</p>	<p>Kế thừa quy định về chế độ trợ cấp một lần thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong Quân đội tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP. Điều chỉnh nâng mức hưởng trợ cấp tạo việc làm từ 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ lên mức 03 tháng tiền lương hiện hưởng đối với quân nhân chuyên nghiệp</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>tiền lương của tháng liền kề trước khi phục viên.</p> <p>3. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.</p> <p>4. Được ưu tiên cộng điểm trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; hoặc được ưu tiên khi xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.”.</p>	<p>2. Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.</p> <p>3. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.</p> <p>4. Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển.”.</p>	<p>khi phục viên và trợ cấp phục viên (thôi việc) một lần đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (từ mức 01 tháng tiền lương lên mức 1,5 tháng tiền lương) đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng để thống nhất với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.</p>
<p>Khoản 2 Điều 5 quy định như sau:</p> <p>“2. Công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi và ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần tương tự như đối với quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.”.</p>	<p>Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5</p> <p>“2. Công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật thực hiện như đối với quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.”</p>	<p>Việc sửa đổi nhằm bảo đảm tính thống nhất với sửa đổi khoản 2 Điều 3; giúp cập nhật chính xác căn cứ viện dẫn về chế độ trợ cấp một lần cho công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi, đảm bảo quyền lợi của đối tượng này tương xứng với chế độ của quân nhân chuyên nghiệp như đã quy định trước khi sửa đổi, bổ sung.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.</p>		
<p>Khoản 2 Điều 3 quy định như sau: “2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi thôi việc do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý công nhân và viên chức quốc phòng trước khi thôi việc chi trả.”.</p>	<p>Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 “2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi thôi việc do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý công nhân và viên chức quốc phòng trước khi thôi việc chi trả.”.</p>	<p>Kế thừa quy định về chế độ, chính sách đối với công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc, chỉ nâng mức hưởng trợ cấp một lần đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (từ mức 01 tháng tiền lương lên mức 1,5 tháng tiền lương); bảo đảm tương đồng, thống nhất như mức hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với cán bộ, công chức, viên chức thôi việc khi thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>Điều 4 quy định như sau:</p> <p>“1. Tiền lương để tính hưởng chế độ Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp thôi việc quy định tại điểm đ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, thôi việc, bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; nhóm, ngạch, bậc đối với viên chức quốc phòng và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp thâm niên vượt khung và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Thời gian công tác để tính chế độ</p> <p>a) Thời gian công tác để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này là tổng thời gian công tác trong Quân đội (gồm: thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng) và thời gian công tác tại các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội, trừ thời gian hưởng chế độ trợ cấp một lần khi phục</p>	<p>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4</p> <p>“Điều 4. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p> <p>1. Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, thôi việc hoặc tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm chuyển ngành, thôi việc (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được toà án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm chuyển ngành, thôi việc, bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; nhóm, ngạch, bậc đối với viên chức quốc phòng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p> <p>2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ</p> <p>a) Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với quân nhân chuyên nghiệp,</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
<p>viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc.</p> <p>b) Thời gian công tác quy định tại điểm a khoản này nếu đứt quãng thì được cộng dồn; nếu có tháng lẻ thì được tính như sau: Dưới 03 tháng không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính là ½ năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 01 năm.”.</p>	<p>công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;</p> <p>b) Thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp một lần do chuyển ngành sang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và trợ cấp một lần do thôi việc quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ</p>	

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2527/BTP-PLDSKT

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung 03 Nghị định về chế độ trợ cấp
01 lần khi thôi phục vụ Quân đội

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

CỤC CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI	
VĂN BẢN ĐIỀN TỪ ĐỀN	Số: 9398..... Ngày: 18/04/2026.... Chuyển:.....

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỀN TỪ ĐỀN	Số: 7506D..... Ngày: 17/04/2026.... Chuyển:.....

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Trả lời Công văn số 2445/BQP-CT ngày 15/4/2026 của Bộ Quốc phòng về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp 01 lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến sơ bộ như sau:

1. Thực hiện quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 23/02/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Nghị định số 209/2025/NĐ-CP. Thực hiện Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 209/2025/NĐ-CP.

Quá trình thực hiện các Nghị định trên đến nay đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc (như nêu tại mục I.2 dự thảo Tờ trình). Trên cơ sở đó, Bộ Quốc phòng đã báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung các Nghị định trên. Ngày 05/02/2026, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1193/VPCP-KGVX về ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính: “*Đồng ý về chủ trương cho phép xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2013; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016; Nghị định số*

19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ...” (mục 1). Do đó, việc Bộ Quốc phòng xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp 01 lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là có cơ sở và phù hợp về thẩm quyền.

Tuy nhiên, so với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo không đề xuất sửa đổi Nghị định số 32/2013/NĐ-CP; tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ nội dung này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung trên, đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc giải trình rõ về nội dung này.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung một số chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Nghị định số 209/2025/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 209/2025/NĐ-CP; trong đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng để đảm bảo tương quan với chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thuyết minh về cơ sở đề xuất, đảm bảo tương quan với các đối tượng khác thuộc lực lượng (cơ yếu, công an...); đồng thời, cân nhắc thêm một số nội dung sau:

2.1. Dự thảo Nghị định quy định: “*Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau: ...*” (điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP dự kiến sửa đổi). Tại Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng, việc bổ sung chính sách này đảm bảo tương đồng với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, chính sách nghỉ hưu trước tuổi tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP không bị trừ lương hưu do nghỉ trước khi đã có đủ thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thuyết minh cơ sở đề xuất chính sách này và chỉnh sửa cho tương đồng với chính sách quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2.2. Dự thảo Nghị định quy định: “*Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được*

thì phục viên; khi phục viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) còn được hưởng các chế độ như sau: Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương” (khoản b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP dự kiến sửa đổi). Nội dung này quy định tương quan với điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định số 21/2009/NĐ-CP có một số chính sách tương tự nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo không sửa đổi (như điểm e khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 9...). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ nội dung này (tương tự quy định tại Điều 6, Điều 8 dự thảo Nghị định).

2.3. Dự thảo Nghị định quy định: “Thời gian công tác để quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, tử trận quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội...” (điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP dự kiến sửa đổi). Tuy nhiên, Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP quy định về việc quy đổi thời gian đối với sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc hy sinh, tử trận mà không bao gồm trường hợp sĩ quan chuyển ngành. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện nội dung trên.

Bộ Tư pháp xin gửi Bộ Quốc phòng tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Thanh Tú (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, PLDSKT (DNLĐAS&TH, Hào).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Thị Hoàng Thanh
Lê Thị Hoàng Thanh



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5061 /BTC-VI

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định về chế
độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ
Quân đội

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ ĐẾN	Số: 7867D..... Ngày: 22/04/2026.... Chuyển:.....

CỤC CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ ĐẾN	Số: 9859..... Ngày: 23/04/2026.... Chuyển:.....

Kính gửi: Bộ Quốc phòng.

Bộ Tài chính nhận được Công văn số 2445/BQP-CT ngày 15/4/2026 của Bộ Quốc phòng về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ Quân đội. Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Bộ Tài chính thống nhất dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo kèm Công văn số 2445/BQP-CT ngày 15/4/2026.

Đề nghị Bộ Quốc phòng tổng hợp trình Chính phủ xem xét, quyết định./A

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Vụ NSNN, Vụ KTN;
- Lưu: VT, VI (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:4090BNV-CTL&BHXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

V/v dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định về chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng khi thôi phục vụ trong quân đội

CỤC CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI - TCCT	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ ĐẾN	Số: 10423..... Ngày: 29/04/2026..... Chuyên:.....

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ ĐẾN	Số: 8433D..... Ngày: 29/04/2026..... Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Trả lời Công văn số 2445/BQP-CT ngày 15/4/2026 của Bộ Quốc phòng về góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (Dự thảo Nghị định), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Căn cứ quy định tại Điều 31 Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và hồ sơ gửi kèm theo Công văn số 2445/BQP-CT của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ thống nhất về việc Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP¹, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP², , Nghị định số 151/2016/NĐ-CP³ và Nghị định số 19/2022/NĐ-CP⁴ về chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, thôi việc đối với các sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tương quan với chế độ trợ cấp một lần đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

¹ Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.

² Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP.

³ Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

⁴ Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

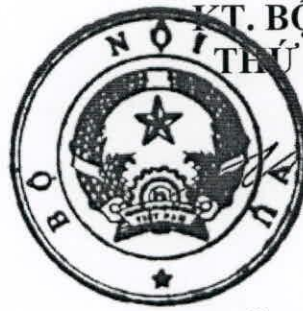
2. Về đối tượng áp dụng: Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Quốc phòng rà soát các đối tượng quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm việc thực hiện các chế độ trợ cấp đúng quy định.

3. Về các mức trợ cấp, tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp (từ Điều 1 đến Điều 9 dự thảo Nghị định): đề nghị Bộ Quốc phòng căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về tiền lương, phụ cấp, thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc để quy định tại dự thảo Nghị định cho phù hợp, bảo đảm thống nhất, tương quan chung các lực lượng trong Quân đội nói riêng và trong lực lượng vũ trang nói chung.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Quốc phòng tổng hợp, hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Mạnh Khương;
- Lưu: VT, CTL&BHXH (N).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương